

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÓM TẮT  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 QUẬN THANH XUÂN  
(PHỤC VỤ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN)**

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

*1. SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN*

Đất đai là nguồn vốn, nguồn nội lực to lớn có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội đất nước. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành quy định "*Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả*".

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất...vv, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định, trật tự xã hội. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một biện pháp hữu hiệu của Nhà nước nhằm quản lý sử dụng đất tiết kiệm có hiệu quả và bảo vệ môi trường, làm giảm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018 và các Nghị định của Chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các văn bản pháp luật hiện hành. UBND quận Thanh Xuân tiến hành lập: "*Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 - quận Thanh Xuân - thành phố Hà Nội*".

\* Tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Cơ quan xét duyệt: UBND thành phố Hà Nội
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- Cơ quan thực hiện: UBND quận Thanh Xuân.

*2. CĂN CỨ PHÁP LÝ*

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 - quận Thanh Xuân được xây dựng trên cơ sở:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật số 35/2018/QH18 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

- Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Quy hoạch phân khu đô thị H2-2; H2-3; H2-4, tỷ lệ 1/2000, đã được UBND Thành phố phê duyệt tại các Quyết định số 6631/QĐ-UBND ngày 01/12/2015; số 6665/QĐ-UBND ngày 03/12/2015; số 6499/QĐ-UBND ngày 27/11/2015...

Bố cục của Báo cáo thuyết minh tổng hợp "*Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 - quận Thanh Xuân - thành phố Hà Nội*" bao gồm các phần sau:

Phần I: Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Phần III: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

Kết luận và kiến nghị.

# **Phần I**

## **ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI**

### *1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.*

#### *1.1. Điều kiện tự nhiên.*

##### *1.1.1. Vị trí địa lý.*

Quận Thanh Xuân là 1 trong những quận trung tâm, nằm ở phía Tây Nam của thành phố Hà Nội. Địa giới hành chính của quận như sau:

- Phía Bắc giáp quận Đống Đa và quận Cầu Giấy
- Phía Tây giáp các quận Nam Từ Liêm, Hà Đông
- Phía Nam giáp quận Hoàng Mai, huyện Thanh Trì
- Phía Đông giáp quận Hai Bà Trưng

Quận Thanh Xuân được thành lập theo Nghị định số 74/NĐ-CP ngày 22/11/1996 của Chính phủ, quận gồm 11 đơn vị hành chính cấp phường là: Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân Trung, Khương Đình, Nhân Chính, Phương Liệt, Hạ Đình, Kim Giang, Khương Mai, Khương Trung, Thượng Đình (*có 3 phường được thành lập từ các xã ngoại thành của 2 huyện Từ Liêm (cũ) và Thanh Trì, còn lại là các phường cũ của quận Đống Đa chuyển sang*).

##### *1.1.2. Địa hình, địa mạo.*

Địa hình của quận Thanh Xuân tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ 5 - 6 mét so với mực nước biển, phía Bắc độ cao tuyệt đối khoảng 5 - 5,6 m. Khu vực phía Nam độ cao thấp hơn, khoảng 4,7 - 5,2 m, một số khu vực ao hồ, đầm trũng có độ cao khoảng 3,0 - 3,5 m.

Điều kiện địa hình quận Thanh Xuân tương đối thuận tiện cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế đô thị.

##### *1.1.3. Khí hậu.*

Khí hậu quận Thanh Xuân có chung chế độ khí hậu của thành phố Hà Nội, thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ với đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng, ẩm, mưa nhiều, nhiệt độ không khí trung bình hàng năm là 24°C, độ ẩm 79%, một năm có bốn mùa rõ rệt.

##### *1.1.4. Thủy văn.*

Quận Thanh Xuân có 2 con sông thoát nước chính của thành phố Hà Nội, chảy qua từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây là sông Tô Lịch và sông Lừ Sét. Bên cạnh đó còn có một số hồ ao tự nhiên tương đối lớn có ý nghĩa quan trọng trong việc điều tiết nước giữa các mùa, tiêu nước cục bộ và giữ vai trò điều hòa sự dao động của mực nước cho khu vực như: đầm Hồng (*Khương*

*Đình*), hồ Hạ Đình và hồ Rẻ Quạt (*Hạ Đình*), hồ Rùa và hồ Thượng (*Phuong Liệt*), hồ Điều Hòa Nhân Chính...

## 1.2. Các nguồn tài nguyên.

### 1.2.1. Tài nguyên đất.

Thổ nhưỡng vốn liên quan đến đặc tính phù sa, quá trình phong hóa, chế độ bồi tích và hoạt động nông nghiệp. Dưới tác động của các yếu tố trên, quận Thanh Xuân hiện nay có 2 loại đất chính, đó là đất phù sa và đất bạc màu. Nhóm đất bạc màu phát triển chủ yếu trên đất phù sa cổ là loại đất chua, nghèo dinh dưỡng, không kết cấu, thành phần cơ giới nhẹ, rời rạc khi khô hạn, kết dính khi ngập nước, nếu sản xuất nông nghiệp cho năng suất cây trồng thấp. Tuy nhiên, phần lớn diện tích đất đai đã chuyển đổi sang các mục đích phi nông nghiệp.

### 1.2.2. Tài nguyên nước.

#### + Nguồn nước mặt

Nước mặt chủ yếu là nguồn nước của các sông, hồ: Gồm 2 con sông chính là sông Tô Lịch và sông Lừ Sét và các hồ, đầm: Đầm Hồng (*phường Khương Đình, Khương Trung*), hồ Hạ Đình và hồ Rẻ Quạt (*phường Hạ Đình*), hồ Rùa và hồ Thượng (*phường Phuong Liệt*), hồ điều hòa Nhân Chính (*phường Nhân Chính*).

- Sông Tô Lịch chảy trong địa phận trung tâm thành phố Hà Nội, dòng sông chính chảy qua các quận của thành phố Hà Nội, trong đó có quận Thanh Xuân. Sông Tô Lịch vốn là 1 phân lưu của sông Hồng, đưa nước từ sông Hồng sang sông Nhuệ. Tuy nhiên đoạn sông từ phố cầu Gổ đến đường Bưởi nay đã bị lấp nên sông Tô Lịch không còn thông với sông Hồng nữa. Hiện tại sông bắt nguồn từ Cầu Giấy tới sông Nhuệ. Sông Tô Lịch là 1 sông cổ của Thăng Long, từ khi bị lấp, sông chỉ là 1 dòng thoát nước thải và nước mưa của Thành phố nên đang bị ô nhiễm nặng.

- Sông Lừ cổ là 1 phân lưu của sông Kim Ngưu ngày nay, dài khoảng 10km, lòng sông rộng từ 10m - 20m, nhánh hội lưu với sông Tô Lịch, càng gần đến chỗ hội lưu thì dòng chảy càng bị thu hẹp lại.

- Sông Sét cổ là 1 phân lưu của sông Kim Ngưu, sông Sét nhiều năm bị bùn bồi lắng và bị các công trình xây dựng lấn bờ, nên bề rộng và độ sâu của sông đã giảm đáng kể. Từ năm 2003, sông Sét được nạo vét và cống hóa với sự hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản trong dự án thoát nước, cải thiện môi trường Hà Nội giai đoạn 1.

Ngoài ra còn có một số hồ, ao tự nhiên tương đối lớn có ý nghĩa quan trọng trong việc tiêu nước cục bộ và giữ vai trò điều hòa.

### + Nguồn nước ngầm

Nguồn nước ngầm của thành phố Hà Nội nhiều nơi bị ô nhiễm nghiêm trọng, trong đó có cả quận Thanh Xuân.

#### 1.2.3. Tài nguyên nhân văn.

Quận Thanh Xuân là quê hương của nhiều danh nhân, nhà văn, nhà giáo. Tiêu biểu nhất là Đặng Trần Côn với tác phẩm "*Chinh phụ ngâm*", ....; Vũ Trọng Phụng với tác phẩm "*Số đỏ*", "*Vỡ đê*" ....; Nguyễn Tuân với tác phẩm "*Vang bóng một thời*", ....

Quận Thanh Xuân là nơi có nhiều di tích lịch sử văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng như đình Vòng; đình, chùa Khương Trung; đình, chùa Quan Nhân; đình, chùa Cự Chính; đình, chùa Giáp Nhất; đình, chùa Khương Hạ; đình, chùa Phương Liệt ... và đặc biệt là Gò Đống Tây, đây là nơi nghĩa quân Lam Sơn do tướng Lê Thiệu chỉ huy tại Cầu Mọc qua sông Tô Lịch (*ở thế kỷ 15*) đã chôn xác quân Minh, giết chết tướng giặc Vi Lượng.

#### 1.3. Thực trạng môi trường.

Thực trạng môi trường trên địa bàn quận ở một số khu vực có dấu hiệu ô nhiễm, đặc biệt là ô nhiễm môi trường nước mặt ở các sông, hồ, chất lượng nước ở các ao, hồ nói chung có xu hướng ngày càng giảm sút do xâm lấn và tình trạng nguồn nước thải không qua xử lý trực tiếp đổ vào các hồ vượt quá khả năng tự điều hòa của các hồ. Trong những năm qua các hồ lớn được các cấp quan tâm đầu tư kè xung quanh các hồ, nạo vét, xây dựng đường và hệ thống thoát nước xung quanh các hồ, công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn quận đã được quan tâm và thực hiện có hiệu quả, tăng cường chỉ đạo phối hợp với các chuyên ngành thường xuyên duy trì thu gom rác sinh hoạt đạt tỷ lệ cao. Kết quả 100% các hộ đều sử dụng nhà vệ sinh, nước sinh hoạt hợp vệ sinh, xử lý các thùng rác đúng quy định.

Trên địa bàn quận có nhiều doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư vào công nghệ xử lý các loại chất thải hiện đại. Đối với doanh nghiệp Nhà nước đã từng bước thay đổi công nghệ sản xuất cũ, lạc hậu bằng những công nghệ sản xuất mới, hiện đại đồng thời đầu tư cả công nghệ xử lý môi trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Mặt khác, các hoạt động giao thông quá tải cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường cục bộ tại một số điểm trên địa bàn quận.

Trong những năm qua, tốc độ phát triển đô thị và gia tăng dân số trên địa bàn dẫn đến lượng chất thải sinh hoạt trên địa bàn quận gia tăng nhanh. Tuy nhiên về cơ bản chất thải rắn, rác thải sinh hoạt không mang tính độc hại.

Hiện nay chưa có hệ thống thoát nước thải riêng, các khu dân cư thải trực tiếp ra hệ thống sông, mương, hồ ao không qua xử lý, gây ô nhiễm mặt nước.

Tuy nhiên, với phương hướng xây dựng và phát triển quận nhằm khai thác mọi tiềm năng, nguồn lực phát triển Kinh tế - Xã hội theo hướng CNH- HĐH, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển ổn định, hiệu quả, bền vững. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ, tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ. Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, văn hoá - xã hội đồng bộ, văn minh, hiện đại, đặc biệt hệ thống giao thông, trường học. Phát triển văn hoá, giáo dục - đào tạo, thực hiện tốt chính sách của Nhà nước, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện môi trường đô thị, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Trong năm 2021, công tác vệ sinh môi trường được tập trung chỉ đạo quyết liệt và triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn quận (*đặc biệt là tại các tuyến đường, phố chính: Nguyễn Trãi, Nguyễn Xiển, Khuất Duy Tiến, Lê Trọng Tấn*); tuyên truyền, vận động các hộ dân, hộ kinh doanh tại mặt các tuyến đường, phố chính ký cam kết chấp hành các quy định về việc đảm bảo vệ sinh môi trường. Phối hợp triển khai hoàn thành lắp đặt các thùng rác công nghệ tại một số tuyến đường, phố trên địa bàn quận; vệ sinh môi trường đô thị được cải thiện; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải trong ngày đạt 100%.

## **2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.**

Năm 2021, Quận Thanh Xuân triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh diễn biến phức tạp, khó lường của dịch bệnh Covid-19; với khối lượng công việc lớn, nhiều việc mới, việc khó. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành uỷ, HĐND, UBND Thành phố; thực hiện Nghị quyết của Quận uỷ, Nghị quyết của HĐND quận, UBND quận đã chủ động, sát sao chỉ đạo, điều hành triển khai nhiệm vụ ngay từ những ngày đầu, tháng đầu năm với quyết tâm cao: vừa quyết liệt công tác phòng chống dịch bệnh vừa tập trung phát triển KT-XH, tình hình kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng trên địa bàn quận tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt kết quả khá toàn diện.

## **Phần II**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC**

#### **1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC.**

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành các Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 về việc thông qua danh mục; điều chỉnh bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2021; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội với tổng số 17 dự án

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 quận Thanh Xuân với tổng số 45 dự án. UBND quận Thanh Xuân đã tổ chức thực hiện và đạt được kết quả như sau:

- Các công trình, dự án đã thực hiện (và dự kiến thực hiện đến 31/12/2021) trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là: 34 dự án (đạt tỷ lệ 75,56%); diện tích là 12,92 ha (đạt tỷ lệ 38,14%), trong đó:

- + Dự án đã có quyết định thu hồi đất hoặc giao đất là: 20 dự án, 2,31 ha;
- + Dự án thu hồi đất đã cấm mốc phục vụ công tác Giải phóng mặt bằng (theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường) là: 13 dự án; 9,11 ha;
- + Dự án nhận chuyển nhượng đã cấm mốc là: 01 dự án, diện tích 1,5ha;
- Các công trình, dự án chưa tổ chức thực hiện là: 11 dự án (tỷ lệ 24,44,0%); diện tích 20,96 ha (tỷ lệ 61,86%).

#### **2. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC.**

Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 quận Thanh Xuân đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn:

- Khó khăn trong các quy trình thủ tục đầu tư của doanh nghiệp, công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... còn gặp nhiều khó khăn bất cập, chưa được các cấp có thẩm quyền tháo gỡ kịp thời.

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án còn gặp nhiều khó khăn do chính sách đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vẫn còn những tồn tại nhất định, nhận thức của người dân về pháp luật đất đai còn hạn chế cũng như ý thức trách nhiệm của một số công dân chưa tốt.

- Nhiều khu đất dự án, đã được giao đất để thực hiện giải phóng mặt bằng nhưng chậm triển khai để đất hoang hóa hoặc bị lấn chiếm, xây dựng công trình trái phép gây khó khăn trong việc quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng và quy chủ sử dụng đất, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giải phóng mặt bằng dự án.

- Một số chủ dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn mang tính chủ quan, chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư, về nguồn vốn...

- Mặt khác, việc thực hiện giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch Covid-19 dẫn đến việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đạt kết quả không cao.

\* **Các mặt được:** Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đang ngày càng đi vào thực chất, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã bám sát và tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Nhận thức về vai trò của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được nâng cao. Tình trạng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được hạn chế đáng kể.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã là một trong những căn cứ quan trọng để quản lý và chỉ đạo khai thác đất đai có hiệu quả. Đồng thời là cơ sở để triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về đất đai nhằm góp phần ổn định chính trị - xã hội; tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.



### **Phần III**

## **LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022**

### *1. CHỈ TIÊU, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC.*

#### *1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ đến đơn vị hành chính cấp phường.*

Quận Thanh Xuân có tổng diện tích đất tự nhiên là 917,35 ha chiếm khoảng 0,28% tổng diện tích tự nhiên của thủ đô Hà Nội. Diện tích tự nhiên theo kiểm kê đất đai năm 2019 tăng 8,38ha so với số liệu kiểm kê năm 2014 là do địa giới hành chính khu Hồ điều hòa Nhân Chính, phường Nhân Chính có điều chỉnh, đồng thời quá trình thực hiện đo đạc, kiểm kê đất đai năm 2019 sử dụng máy móc và các phần mềm tính toán hiện đại và chính xác hơn. Diện tích đất tự nhiên của các phường trong quận phân bố không đồng đều, lớn nhất là phường Nhân Chính 165,07 ha, chiếm 18,0% diện tích đất toàn quận, nhỏ nhất là phường Kim Giang 21,35 ha, chiếm 2,5% diện tích đất toàn quận.

Đất đai trong quá trình quản lý và sử dụng luôn luôn biến động bởi các yếu tố khách quan và chủ quan, xu thế biến động chính là giảm đất nông nghiệp, chủ yếu là đất lúa, trồng cây hàng năm khác và nuôi trồng thủy sản; tăng đất phi nông nghiệp, chủ yếu là đất có mục đích công cộng, đất trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp; biến động trong nội bộ đất phi nông nghiệp, giảm đất cơ sở sản xuất kinh doanh, tăng đất ở đô thị và đất thương mại dịch vụ. Xu thế biến động trên địa bàn quận là phù hợp với quy luật phát triển kinh tế, xã hội.

Đơn vị tính: ha

| STT      | Loại đất  | Mã         | Tổng diện tích đất | Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp phường |                |                  |               |              |              |              |               |              |               |              |
|----------|---|------------|--------------------|--|----------------|------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
|          |   |            |                    | Thanh Xuân Bắc                                   | Thanh Xuân Nam | Thanh Xuân Trung | Nhân Chính    | Thượng Đình  | Hạ Đình      | Kim Giang    | Khương Đình   | Khương Trung | Khương Mai    | Phương Liệt  |
| (1)      | (2)   | (3)        | (4)=(5)+...+(15)   | (5)  | (6)            | (7)              | (8)           | (9)          | (10)         | (11)         | (12)          | (13)         | (14)          | (15)         |
| <b>I</b> | <b>Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)</b> |            | <b>917,35</b>      | <b>49,44</b>                                     | <b>31,42</b>   | <b>107,66</b>    | <b>165,07</b> | <b>66,90</b> | <b>69,59</b> | <b>22,89</b> | <b>130,95</b> | <b>73,79</b> | <b>105,80</b> | <b>93,85</b> |
| <b>1</b> | <b>Đất nông nghiệp</b>                                  | <b>NNP</b> | <b>6,72</b>        | -  | -              | -                | -             | -            | <b>0,47</b>  | -            | <b>6,25</b>   | -            | -             | -            |
| 1.1      | Đất trồng lúa   | LUA        | -                  | -  | -              | -                | -             | -            | -            | -            | -             | -            | -             | -            |
| 1.2      | Đất bằng trồng cây hàng năm khác                        | BHK        | 6,72               | -  | -              | -                | -             | -            | 0,47         | -            | 6,25          | -            | -             | -            |
| 1.3      | Đất nuôi trồng thủy sản                                 | NTS        | -                  | -  | -              | -                | -             | -            | -            | -            | -             | -            | -             | -            |
| 1.4      | Đất nông nghiệp khác                                    | NKH        | -                  | -  | -              | -                | -             | -            | -            | -            | -             | -            | -             | -            |
| <b>2</b> | <b>Đất phi nông nghiệp</b>                              | <b>PNN</b> | <b>904,60</b>      | <b>49,44</b>                                     | <b>31,42</b>   | <b>107,66</b>    | <b>164,73</b> | <b>66,90</b> | <b>69,12</b> | <b>22,89</b> | <b>119,01</b> | <b>73,79</b> | <b>105,80</b> | <b>93,85</b> |
| 2.1      | Đất quốc phòng  | CQP        | 78,31              | -  | 0,17           | 1,73             | 5,55          | -            | -            | 0,02         | 1,23          | 5,93         | 54,96         | 8,71         |
| 2.2      | Đất an ninh   | CAN        | 10,23              | 0,05   | 1,19           | 2,43             | 6,00          | 0,02         | 0,26         | 0,07         | 0,04          | 0,01         | 0,06          | 0,11         |
| 2.3      | Đất thương mại, dịch vụ                                 | TMD        | 14,35              |  |                | 5,88             | 1,90          | 2,53         | 1,52         | 0,07         |               | 0,50         | 1,29          | 0,66         |
| 2.4      | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp                | SKC        | 65,51              | 1,61   | 2,17           | 19,29            | 4,52          | 19,58        | 4,45         | 0,20         | 2,70          | 0,48         | 1,39          | 9,13         |
| 2.5      | Đất có mục đích công cộng                               | CCC        | 209,32             | 15,69  | 7,99           | 25,23            | 50,37         | 16,34        | 18,53        | 5,92         | 19,65         | 13,90        | 13,67         | 22,05        |
| 2.6      | Đất ở tại nông thôn                                     | ONT        | 0,00               | -  | -              | -                | -             | -            | -            | -            | -             | -            | -             | -            |
| 2.7      | Đất ở tại đô thị  | ODT        | 392,13             | 17,46  | 13,59          | 39,21            | 70,83         | 22,93        | 33,55        | 13,26        | 64,52         | 47,72        | 32,34         | 36,73        |
| 2.8      | Đất xây dựng trụ sở cơ quan                             | TSC        | 10,07              | 1,76   | 0,62           | 5,18             | 1,02          | 0,34         | 0,09         | 0,13         | 0,15          | 0,07         | 0,67          | 0,05         |
| 2.9      | Đất xây dựng công trình sự nghiệp                       | DSN        | 64,01              | 12,88  | 5,69           | 8,71             | 11,78         | 2,71         | 1,45         | 2,25         | 7,22          | 2,79         | 0,96          | 7,58         |
| 2.10     | Đất cơ sở tôn giáo                                      | TON        | 1,90               | -  | -              | -                | 1,06          | -            | 0,16         | -            | 0,56          | 0,04         | -             | 0,08         |
| 2.11     | Đất cơ sở tín ngưỡng                                    | TIN        | 1,74               | -  | -              | -                | 0,88          | -            | 0,19         | -            | 0,49          | 0,03         | -             | 0,15         |
| 2.12     | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT        | NTD        | 6,66               | -  | 0,01           | -                | 1,69          | -            | 0,82         | -            | 4,14          | -            | -             | -            |
| 2.13     | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối                        | SON        | 16,45              | -  | -              | -                | 0,81          | 2,46         | 2,53         | 0,97         | 3,43          | 2,02         | 0,46          | 3,77         |
| 2.14     | Đất có mặt nước chuyên dùng                             | MNC        | 33,07              | -  | -              | -                | 8,30          | 0,00         | 4,97         | -            | 14,65         | 0,30         | -             | 4,86         |
| 2.15     | Đất phi nông nghiệp khác                                | PNK        | 0,85               | -  | -              | -                | 0,02          | -            | 0,60         | -            | 0,23          | -            | -             | -            |
| <b>3</b> | <b>Đất chưa sử dụng</b>                                 | <b>CSD</b> | <b>6,03</b>        | -  | -              | -                | <b>0,34</b>   | -            | -            | <b>0,00</b>  | <b>5,69</b>   | -            | -             | -            |

1.2. *Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết.*

Thực hiện các Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 về việc thông qua danh mục; điều chỉnh bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2021; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội (với tổng số 17 dự án); Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 quận Thanh Xuân (với tổng số 45 dự án). Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo, thực hiện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020 quận Thanh Xuân nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển về kinh tế - xã hội, đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thành phố Hà Nội.

+ Các công trình, dự án đã thực hiện (và dự kiến thực hiện đến 31/12/2021) trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là: 34 dự án (đạt tỷ lệ 75,56%); diện tích là 12,92 ha (đạt tỷ lệ 38,14%);

+ Các công trình, dự án chưa tổ chức thực hiện là: 11 dự án (tỷ lệ 24,44,0%); diện tích 20,96 ha (tỷ lệ 61,86%), nhưng đã được các Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện, liên hệ với UBND Thành phố và các Sở, ngành Thành phố nhằm hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021 chưa thực hiện hết như sau:

| STT      | Chỉ tiêu sử dụng đất                                    | Mã         | Diện tích KH được phê duyệt (ha) | Kết quả thực hiện              |                         |
|----------|---|------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------------------|
|          |   |            |                                  | Diện tích hiện trạng 2021 (ha) | Tăng (+), giảm (-) (ha) |
| (1)      | (2)   | (3)        | (4)                              | (5)                            | (6)=(4)-(5)             |
| <b>I</b> | <b>Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)</b> |            | <b>917,35</b>                    | <b>917,35</b>                  | <b>0,00</b>             |
| <b>1</b> | <b>Đất nông nghiệp</b>                                  | <b>NNP</b> | <b>6,72</b>                      | <b>10,09</b>                   | <b>-3,37</b>            |
| 1.1      | Đất trồng lúa   | LUA        | -                                | -                              | -                       |
| 1.2      | Đất bằng trồng cây hàng năm khác                        | BHK        | 6,72                             | 10,09                          | -3,37                   |
| 1.3      | Đất nuôi trồng thủy sản                                 | NTS        | -                                | -                              | -                       |
| 1.4      | Đất nông nghiệp khác                                    | NKH        | -                                | -                              | -                       |
| <b>2</b> | <b>Đất phi nông nghiệp</b>                              | <b>PNN</b> | <b>904,60</b>                    | <b>899,48</b>                  | <b>5,13</b>             |
| 2.1      | Đất quốc phòng  | CQP        | 72,69                            | 78,31                          | -5,62                   |
| 2.2      | Đất an ninh   | CAN        | 10,20                            | 10,20                          | 0,00                    |

|          |  |            |             |             |              |
|----------|--|------------|-------------|-------------|--------------|
| 2.3      | Đất thương mại, dịch vụ                          | TMD        | 13,98       | 12,92       | 1,06         |
| 2.4      | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp         | SKC        | 54,86       | 66,91       | -12,05       |
| 2.5      | Đất có mục đích công cộng                        | CCC        | 209,18      | 207,68      | 1,50         |
| 2.6      | Đất ở tại nông thôn                              | ONT        | 0,00        | 0,00        | 0,00         |
| 2.7      | Đất ở tại đô thị                                 | ODT        | 408,69      | 390,75      | 17,94        |
| 2.8      | Đất xây dựng trụ sở cơ quan                      | TSC        | 10,07       | 10,07       | 0,00         |
| 2.9      | Đất xây dựng công trình sự nghiệp                | DSN        | 64,01       | 64,01       | 0,00         |
| 2.10     | Đất cơ sở tôn giáo                               | TON        | 1,90        | 1,90        | 0,00         |
| 2.11     | Đất cơ sở tín ngưỡng                             | TIN        | 1,74        | 1,74        | 0,00         |
| 2.12     | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT | NTD        | 6,92        | 4,62        | 2,30         |
| 2.13     | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối                 | SON        | 16,45       | 16,45       | 0,00         |
| 2.14     | Đất có mặt nước chuyên dùng                      | MNC        | 33,07       | 33,07       | 0,00         |
| 2.15     | Đất phi nông nghiệp khác                         | PNK        | 0,85        | 0,85        | 0,00         |
| <b>3</b> | <b>Đất chưa sử dụng</b>                          | <b>CSD</b> | <b>6,03</b> | <b>7,79</b> | <b>-1,76</b> |

1.3 . Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2022.

Nhằm đáp ứng nhu cầu về đất ở cũng như việc bố trí đất cho các mục đích phi nông nghiệp, dự kiến năm 2022, quận Thanh Xuân có khoảng 904,6 ha đất sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp, diện tích tăng khoảng 5,12 ha so với hiện trạng, cụ thể:

| <i>Đơn vị tính (ha)</i> |   |            |                    |
|-------------------------|---|------------|--------------------|
| STT                     | Loại đất  | Mã         | Tổng diện tích đất |
| (1)                     | (2)   | (3)        | (4)                |
| <b>I</b>                | <b>Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)</b> |            | <b>917,35</b>      |
| <b>1</b>                | <b>Đất nông nghiệp</b>                                  | <b>NNP</b> | <b>6,72</b>        |
| 1.1                     | Đất trồng lúa   | LUA        | -                  |
| 1.2                     | Đất bằng trồng cây hàng năm khác                        | BHK        | 6,72               |
| 1.3                     | Đất nuôi trồng thủy sản                                 | NTS        | -                  |
| 1.4                     | Đất nông nghiệp khác                                    | NKH        | -                  |
| <b>2</b>                | <b>Đất phi nông nghiệp</b>                              | <b>PNN</b> | <b>904,60</b>      |
| 2.1                     | Đất quốc phòng  | CQP        | 78,31              |
| 2.2                     | Đất an ninh   | CAN        | 10,23              |
| 2.3                     | Đất thương mại, dịch vụ                                 | TMD        | 14,35              |
| 2.4                     | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp                | SKC        | 65,51              |

|          |  |            |             |
|----------|--|------------|-------------|
| 2.5      | Đất có mục đích công cộng                        | CCC        | 209,32      |
| 2.6      | Đất ở tại nông thôn                              | ONT        | 0,00        |
| 2.7      | Đất ở tại đô thị                                 | ODT        | 392,13      |
| 2.8      | Đất xây dựng trụ sở cơ quan                      | TSC        | 10,07       |
| 2.9      | Đất xây dựng công trình sự nghiệp                | DSN        | 64,01       |
| 2.10     | Đất cơ sở tôn giáo                               | TON        | 1,90        |
| 2.11     | Đất cơ sở tín ngưỡng                             | TIN        | 1,74        |
| 2.12     | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT | NTD        | 6,66        |
| 2.13     | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối                 | SON        | 16,45       |
| 2.14     | Đất có mặt nước chuyên dùng                      | MNC        | 33,07       |
| 2.15     | Đất phi nông nghiệp khác                         | PNK        | 0,85        |
| <b>3</b> | <b>Đất chưa sử dụng</b>                          | <b>CSD</b> | <b>6,03</b> |

*a) Đất nông nghiệp.*

Năm 2021 diện tích đất nông nghiệp có 10,09 ha, chiếm 1,1% diện tích đất tự nhiên. Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, có 3,37 ha đất nông nghiệp, chủ yếu là đất bằng trồng cây hàng năm được chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp.

Như vậy, đến năm 2022 quỹ đất nông nghiệp của quận Thanh Xuân còn 6,72 ha, giảm 3,37 ha so với hiện trạng.

*b) Đất phi nông nghiệp.*

Năm 2021 diện tích đất phi nông nghiệp có 899,48 ha, chiếm 98,05% diện tích đất tự nhiên. Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đất phi nông nghiệp tăng 5,12 ha do được chuyển sang từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng.

Như vậy, đến năm 2022 quỹ đất phi nông nghiệp của quận Thanh Xuân có 904,6 ha, tăng 5,12 ha so với hiện trạng.

*c) Đất bằng chưa sử dụng.*

Năm 2021 diện tích đất chưa sử dụng có 7,79 ha, chiếm 0,85% diện tích đất tự nhiên. Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đất chưa sử dụng giảm 1,76 ha do được chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Như vậy, đến năm 2022 quỹ đất chưa sử dụng của quận Thanh Xuân còn 6,03 ha, giảm 1,76 ha so với hiện trạng.

## 2. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN.

*(chi tiết tại biểu Danh mục kèm theo)*

#### **Phần IV**

### **GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Thanh Xuân có tính khả thi cao, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quận trong năm 2022, trong quá trình triển khai cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

- Ban hành các văn bản quy định về việc thực hiện hoạch kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không thỏa thuận đầu tư, cấp phép đầu tư, giao cấp đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với những dự án, công trình không nằm trong danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất. Có biện pháp xử lý kịp thời đối với những trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Đăng tải đầy đủ thông tin về kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Thanh Xuân trên trang thông tin điện tử của quận, tuyên truyền, phổ biến đầy đủ thông tin kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, đảm bảo được tính minh bạch của kế hoạch sử dụng đất để mọi thành phần kinh tế biết, để tham gia thực hiện.

- Thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, tăng cường thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Cân đối, xác định các nguồn vốn để thực hiện, đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

- Cần xem xét ưu tiên đối với những dự án có tính trọng điểm, là động lực phát triển kinh tế của địa phương, các dự án thân thiện với môi trường, các dự án mang tính bền vững.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022**

| STT        | Danh mục công trình, dự án  | Mã loại đất | Chủ đầu tư           | Diện tích (ha) | Trong đó diện tích đất (ha) |             | Vị trí                           |                 | Căn cứ pháp lý  |
|------------|---|-------------|----------------------|----------------|-----------------------------|-------------|----------------------------------|-----------------|---|
|            |   |             |                      |                | Đất trồng lúa               | Thu hồi đất | Địa danh phường                  | Địa danh quận   |   |
| <b>A</b>   | <b>Các dự án nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 chưa thực hiện xong, cần chuyển tiếp thực hiện sang năm 2022</b> |             |                      |                |                             |             |                                  |                 |   |
| <b>I</b>   | <b>Các dự án nằm trong Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố</b>                                |             |                      |                |                             |             |                                  |                 |   |
| <b>I.1</b> | <b>Các dự án nằm trong Biểu 1A</b>  |             |                      |                |                             |             |                                  |                 |   |
| 1          | GPMB và san nền sơ bộ Khu đô thị Tây Nam Kim Giang  | ODT         | UBND quận Thanh Xuân | 1,2            |                             | 1,2         | Phường Hạ Đình                   | Quận Thanh Xuân | - Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 20/7/2006 của UBND TP phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500.<br>- Quyết định 3895/QĐ-UBND ngày 01/10/2007 của UBND TP phê duyệt dự án: GPMB và san nền sơ bộ.<br>- Quyết định số 4770/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND TP giao TTPT quỹ đất và DT các CT đô thị Quận làm chủ đầu tư. |
| 2          | Đầu tư xây dựng hạ tầng KT xung quanh Hồ Rê Quạt  | DGT         | UBND quận Thanh Xuân | 1,68           |                             | 1,49        | Phường Hạ Đình, Thanh Xuân Trung | Quận Thanh Xuân | - Quyết định: 3893/QĐ-UBND ngày 21/7/2013 của UBND quận Thanh Xuân về việc Giao nhiệm vụ chủ ĐT.<br>- Các Quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; số 1803/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND quận Thanh Xuân phê duyệt dự án đầu tư XD.  |
| 3          | ĐT XD ngách 168/21 và hẻm 168/21/2 Nguyễn Xiển  | DGT         | UBND quận Thanh Xuân | 0,21           |                             | 0,07        | Phường Hạ Đình                   | Quận Thanh Xuân | - Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 26/10/2016; số 4944/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND quận TX về việc phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư.<br>- Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND quận TX về việc điều chỉnh thời gian thực hiện DA.   |
| 4          | Cải tạo mở rộng theo quy hoạch phố Nguyễn Tuân  | DGT         | UBND quận Thanh Xuân | 1,51           |                             | 1,37        | Phường Thanh Xuân Trung          | Quận Thanh Xuân | - Quyết định số 6023/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND TP phê duyệt chi giới đường đỏ, tỷ lệ 1/500.<br>- Quyết định số 3854/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND quận Thanh Xuân phê duyệt dự án đầu tư.   |

|            |   |     |                              |      |      |   |                 |   |
|------------|---|-----|------------------------------|------|------|---|-----------------|---|
| 5          | Xây dựng mới trường mầm non công lập tại phường Phương Liệt                           | DGD | UBND quận Thanh Xuân         | 0,31 | 0,31 | Phường Phương Liệt                        | Quận Thanh Xuân | - QĐ 3244/QĐ-UBND ngày 22/5/2013, của UBND TP, giao 2.758,4m2 đất tại phường Phương Liệt cho TT PTQĐ quận Thanh Xuân TH công tác BT, HT và TĐC.- Văn bản số 696/UBND-QLĐT ngày 15/5/2020 của UBND q. Thanh Xuân về việc chấp thuận TMB&PAKT sơ bộ DA.- QĐ 2538/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND quận Thanh Xuân về việc phê duyệt dự án đầu tư. |
| 6          | Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Gò Đống Tây  | DDT | UBND quận Thanh Xuân         | 0,88 | 0,88 | Phường Thanh Xuân Trung                   | Quận Thanh Xuân | - Văn bản số 6044/VP-KGVX ngày 19/7/2016 của Văn phòng UBND Thành phố về thống nhất chủ trương điều chỉnh Khu vực bảo vệ di tích Gò Đống Tây.<br>- Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND quận Thanh Xuân phê duyệt dự án đầu tư.  |
| 7          | Xây dựng tuyến đường vào cụm 3 Trường Thanh Xuân Nam                                  | DGT | UBND quận Thanh Xuân         | 0,63 | 0,47 | Phường Hạ Đình, Thanh Xuân Nam            | Quận Thanh Xuân | - Quyết định số 4338/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận Thanh Xuân về việc phê duyệt dự án.<br>- Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND TP phê duyệt chỉ giới đường đỏ tỷ lệ 1/500.  |
| 8          | XD sân chơi và bố trí trạm tuần tra tại các thửa đất sau GPMB trên địa bàn p. Hạ Đình | DGT | UBND quận Thanh Xuân         | 0,06 | 0,06 | phường Hạ Đình                            | Quận Thanh Xuân | - Quyết định số 4330/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND quận Thanh Xuân về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xd dự án.<br>- Quyết định số 4015/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND quận Thanh Xuân về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xd dự án.   |
| 9          | Đầu tư XD ngõ 140 Khuất Duy Tiến ra đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính                | DGT | UBND quận Thanh Xuân         | 0,05 | 0,05 | Ngõ 140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính | Quận Thanh Xuân | - Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của UBND quận TX về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.<br>- Quyết định số 4623/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND quận TX phê duyệt điều chỉnh chỉ giới đường đỏ.<br>- Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND quận TX về việc điều chỉnh thời gian thực hiện DA.                           |
| <b>I.2</b> | <b>Các dự án nằm trong Biểu 1B</b>  |     |                              |      |      |   |                 |   |
| <b>I.3</b> | <b>Các dự án nằm trong Biểu 2</b>   |     |                              |      |      |   |                 |   |
| 10         | Nhà tang lễ quận Thanh Xuân   | NTD | Công ty cổ phần Hồn Đất Việt | 2,30 | 2,30 | Phường Khương Đình                        | Quận Thanh Xuân | - Văn bản chấp thuận TMB và PAKT số 2700/QHKT-TMB-PAKT (P2) ngày 24/5/2016 của Sở QHKT.<br>- Quyết định chủ trương đầu tư số 5634/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND TP.   |



|             |  |     |   |      |  |      |   |                 |  |
|-------------|--|-----|---|------|--|------|---|-----------------|--|
| 11          | Xây dựng Khu đô thị mới Phùng Khoang trên địa bàn phường Nhân Chính  | ODT | Tổng Cty ĐT&PT nhà HN và liên danh                  | 0,59 |  | 0,59 | Phường Nhân Chính                             | Quận Thanh Xuân | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND ngày 26/01/2007 của UBND TP phê duyệt Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500.</li> <li>- Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 18/3/2009 của UBND TP về việc thu hồi 276.711 m<sup>2</sup> đất...; giao LD Tổng C.ty Đầu tư PT nhà HN và C.ty CP ĐT&amp;XD đô thị để thực hiện DA.</li> <li>- Số 2158/KH&amp;ĐT-ĐTCT ngày 06/5/2020 của Sở KH&amp;ĐT về việc gia hạn tiến độ thực hiện dự án.</li> </ul>   |
| 12          | Trung tâm Thương mại dịch vụ Hạ Đình   | TMD | Cty TNHH Thương mại hỗ trợ Kiến thiết miền núi      | 0,98 |  | 0,98 | Phường Hạ Đình                                | Quận Thanh Xuân | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định 2076/QĐ-UBND của UBND quận Thanh Xuân về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô đầu tư dự án.</li> <li>- Văn bản số 9063/UBND-TNMT ngày 18/12/2015 của UBND TP về việc tiếp tục thực hiện GPMB dự án.</li> <li>- Văn bản số 4057/VP-ĐT ngày 09/5/2017 của Văn phòng UBND TP về việc thu hồi đất, GPMB dự án.</li> <li>- Quyết định 1551/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện.</li> </ul>  |
| <b>II</b>   | <b>Các dự án nằm trong Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố</b>                                      |     |   |      |  |      |   |                 |  |
| <b>II.1</b> | <b>Các dự án nằm trong Biểu 2A</b>   |     |   |      |  |      |   |                 |  |
| <b>II.2</b> | <b>Các dự án nằm trong Biểu 2B</b>   |     |   |      |  |      |   |                 |  |
| <b>II.3</b> | <b>Các dự án nằm trong Biểu 3, 4</b>   |     |   |      |  |      |   |                 |  |
| 13          | Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng và nhà ở  | ODT | Công ty CP tu bổ di tích Trung ương Vinaremon và LD | 1,12 |  | 0,04 | Số 69 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung | quận Thanh Xuân | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 1911/QHKT-P2 ngày 03/8/2009 của Sở QHKT về Quy hoạch TMB&amp;PAKT;- Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000879 ngày 07/9/2010; điều chỉnh ngày 28/7/2014;- Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 11/02/2015 của UBND TP về việc thu hồi 387,5 m<sup>2</sup> đất hiện là khu nhà ở giao cho C.ty sử dụng cùng với 10.847,0 m<sup>2</sup> đất tại 69 Vũ Trọng Phụng để đầu tư XD;- Văn bản số 5882/TTTP-P5 ngày 04/12/2020 của Thanh tra Thành phố;- Văn bản số 11294/VP-GPMB ngày 31/12/2020 của UBND TP Hà Nội.</li> </ul> |
| <b>III</b>  | <b>Các dự án nằm ngoài các Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 và số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố</b> |     |   |      |  |      |   |                 |  |

|    |   |     |   |      |  |  |   |                 |   |
|----|---|-----|---|------|--|--|---|-----------------|---|
| 14 | Đầu tư xây dựng công trình thuộc ô đất A12 - Nguyễn Xiển                          | ODT | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Hào Nam và LD | 1,50 |  |  | Phường Kim Giang                            | Quận Thanh Xuân | - Số 4712/QHKT-TMB(KHTH) ngày 19/7/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.<br>- Số 3775/UBND-ĐT ngày 03/8/2017 của UBND Thành phố về việc triển khai đầu tư tại ô đất quy hoạch ký hiệu A12 phường Kim Giang, quận Thanh Xuân và phường Đại Kim, quận Hoàng Mai. |
| 15 | Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và văn phòng                                   | TMD | Cty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội và liên danh             | 0,45 |  |  | Số 76 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình | Quận Thanh Xuân | - Giấy chứng nhận QSDĐ cấp ngày 12/12/2006.<br>- Chấp thuận TMB và PAKT số 1098/QHKT-TMB-PAKT (P1) ngày 28/02/2018.   |
| 16 | Tòa nhà hỗn hợp Vinaconex 1   | ODT | Cty cổ phần ĐT xây dựng số 1                        | 0,25 |  |  | Lô D9 Khuất Duy Tiên, phường Thanh Xuân Bắc | Quận Thanh Xuân | - Công văn 7766/UBND-TNMT ngày 08/10/2014 của UBND TP về chủ trương CMTĐ SDD.<br>- Giấy phép QH số 2260/GPQH ngày 19/4/2017.<br>- Chấp thuận, điều chỉnh TMB số 3811/QHKT-TMB-PAKT (KHTH) ngày 15/7/2019.   |
| 17 | Tòa nhà Dịch vụ thương mại, nhà trẻ và nhà ở cao tầng - VNT Hạ Đình               | ODT | Cty Cổ phần tập đoàn Đại Dương và liên danh         | 0,47 |  |  | Khu hồ Rê Quạt, phường Hạ Đình              | Quận Thanh Xuân | - Giấy chứng nhận ĐT số 01121001669 ngày 26/12/2013.-<br>Quyết định 2571/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND TP thu hồi 4,712 m2 đất tại khu đất hồ Rê Quạt, phường Hạ Đình; giao Cty CP TĐ Đại Dương và Cty CP TĐ Khang Thông để thực hiện DA.                 |
| 18 | 04 Bãi đỗ xe ngầm dưới công viên cây xanh tại các KĐT quận Cầu Giấy và Thanh Xuân | DSH | Công ty CP ĐT&PT đô thị Tây Hồ                      | 0,26 |  |  | Phường Nhân Chính                           | Quận Thanh Xuân | - Thông báo số 269/TB-UBND ngày 19/3/2018 của UBND TP về việc đồng ý chủ trương giao Công ty CP ĐT&PT đô thị Tây Hồ nghiên cứu đề xuất phương án.<br>- Giấy phép quy hoạch số 5714/GPQH ngày 19/9/2018.   |
| 19 | Nhà ở kết hợp DVTM, VP cho thuê và khu nhà ở thấp tầng                            | ODT | Công ty cổ phần tháp Chelsea                        | 0,22 |  |  | Số 118 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt  | Quận Thanh Xuân | - Quyết định chủ trương đầu tư số 6151/QĐ-UBND ngày 08/11/2018.<br>- Chấp thuận bản vẽ TMB&PAKT số 4172/QHKT-TMB-PAKT(P2) ngày 12/7/2018.   |

|          |   |     |  |      |  |      |   |                 |  |
|----------|---|-----|--|------|--|------|---|-----------------|--|
| 20       | Khách sạn TSG Cửu Long (Amachi Hotel)   | TMD | HTX Thương mại - Dịch vụ Cửu Long            | 0,2  |  |      | Số 201 Trường Chinh, phường Khương Mai      | quận Thanh Xuân | - Số 709/QHKT-TMB-PAKT (KHTH) ngày 19/02/2020 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc<br>- Quyết định chủ trương đầu tư số 2440/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND Thành phố   |
| 21       | Xây dựng cơ sở làm việc Công an phường Thanh Xuân Trung   | CAN | Công an thành phố Hà Nội                     | 0,03 |  |      | Phường Thanh Xuân Trung                     | Quận Thanh Xuân | Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND TP thu hồi cơ sở nhà đất tại số 314, 316, 318 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân do Công ty CP Xà phòng HN quản lý, sử dụng; giao cho UBND quận Thanh Xuân quản lý, lập phương án sử dụng theo quy định.   |
| 22       | Trung tâm TM, VP làm việc và nhà ở để bán   | ODT | Công ty CP Động Lực                          | 0,32 |  |      | Số 130 phố Hạ Đình, phường Hạ Đình          | Quận Thanh Xuân | - Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 5397/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND Thành phố;<br>- Số 3043/QHKT-TMB-PAKT-KHTH ngày 13/6/2019 của Sở QH-KT.   |
| <b>B</b> | <b>Các dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2022</b>   |     |  |      |  |      |   |                 |  |
| <b>I</b> | <b>Các dự án phải báo cáo HĐND Thành phố thông qua theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013</b> |     |  |      |  |      |   |                 |  |
| 23       | Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê  | TMD | Công ty TNHH và XNK Sao Mai                  | 0,16 |  | 0,04 | ô đất 4.6No Lê Văn Lương, phường Nhân Chính | quận Thanh Xuân | - Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 08/7/2015 của UBND TP về việc thu hồi 1.573 m2 đất tại lô đất 4.6NO đường Lê Văn Lương; giao cho Cty TNHH XNK và đầu tư Sao Mai sử dụng để tiếp tục thực hiện DA và giao cho UBND q.Thanh Xuân 362 m2 để tiếp tục BT, HT, GPMB, xây dựng đường GT kinh phí do Cty chi trả theo quy định.<br>- Văn bản số 8834/VP-GPMB ngày 19/8/2021 của VP UBND TP về việc GPMB DT còn lại để hoàn thiện hạ tầng xung quanh DA. |
| 24       | Khu đô thị mới Hạ Đình  | ODT | Công ty CP xây dựng lắp máy điện nước Hà Nội | 1,3  |  | 0,74 | quận Thanh Xuân                             | Phường Hạ Đình  | - Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000042 ngày 31/5/2007 của UBND Thành phố;<br>- Văn bản số 6387/QHKT-TMB-PAKT(P2) ngày 26/10/2016 của Sở QHKT.   |

|           |  |     |                                   |       |  |      |                             |                 |  |
|-----------|--|-----|-----------------------------------|-------|--|------|-----------------------------|-----------------|--|
| 25        | XD đoạn tuyến đường từ KĐT Royal City đến đường ven sông Tô Lịch và cầu nổi sang đường Láng                            | DGT | UBND quận Thanh Xuân              | 0,23  |  | 0,06 | Phường Thượng Đình          | Quận Thanh Xuân | Quyết định 4957/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND TP về việc phê duyệt dự án đầu tư.   |
| 27        | Xây dựng tòa nhà HH và VP cho thuê DV công cộng và nhà ở   | ODT | Cty CP Đào tạo và Xây lắp điện HN | 0,16  |  | 0,03 | Phường Nhân Chính           | Quận Thanh Xuân | - Quyết định số 5091/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của UBND TP về việc thu hồi 2.505,3 m <sup>2</sup> đất tại p.Nhân Chính; giao 3.675,6 m <sup>2</sup> đất cho Cty CP xây lắp điện Hà Nội để thực hiện DA;<br>- Văn bản số 5812/UBND-TNMT ngày 19/8/2015 về chủ trương điều chỉnh ranh giới và QH dự án đầu tư XD DA  |
| 26        | Nhà Chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại X1 Hạ Đình  | ODT | UBND quận Thanh Xuân              | 0.35  |  | 0,03 | Phường Hạ Đình              | Quận Thanh Xuân | - Quyết định 1421/QĐ-UB ngày 15/3/2004 của UBND TP về việc phê duyệt DA đầu tư XD nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X1 HĐ.- Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 08/7/2009 của UBND Thành phố, giao 3,522 m <sup>2</sup> đất tại phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân cho UBND quận Thanh Xuân để XD nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB.- QĐ 5480/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND TP điều chỉnh tổng mức đầu tư và thời gian thực hiện DA. |
| <b>II</b> | <b>Các dự án không phải báo cáo HĐND Thành phố thông qua theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013</b>  |     |                                   |       |  |      |                             |                 |  |
| 28        | Xây dựng mới lộ cáp ngầm 22kV sau TBA 110kV E1.5 (Thượng Đình) cấp điện cho phụ tải p.Hạ Đình, Thượng Đình, Nhân Chính | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân       | 0,196 |  |      | Phường Hạ Đình; Thượng Đình |                 | <i>Quyết định số 5187/QĐ-EVNHA NOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i>  |

|    |   |     |                             |       |  |  |  |  |  |
|----|---|-----|-----------------------------|-------|--|--|--|--|--|
| 29 | Xây dựng mới lộ cáp ngầm 22kV sau TBA 110kV E1.5 ( <i>Thượng Đình</i> ) cấp điện cho phụ tải p.Khuong Trung, Khương Mai                   | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,591 |  |  | Phường Hạ Đình; Thượng Đình; Khuong Trung; Khương Mai. |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 30 | Cải tạo, nâng cao năng lực cấp điện lộ đường dây trung thế 22kV ( <i>Tuyến cáp từ TBA M78 đến TBA TT Phòng không 1</i> )                  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,110 |  |  | Phường Phương Liệt; Khương Mai                         |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 31 | Cải tạo, nâng cao năng lực cấp điện lộ đường dây trung thế 22kV ( <i>Tuyến cáp từ TBA Cty CP Xây dựng số 12 đến TBA HTX Phương Đông</i> ) | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,020 |  |  | Phường Thanh Xuân Trung                                |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |

|    |  |     |                             |       |  |  |   |  |   |
|----|--|-----|-----------------------------|-------|--|--|---|--|---|
| 32 | Cải tạo, nâng cao năng lực cấp điện lộ đường dây trung thế 22kV (Tuyến cáp từ TBA Khương Mai 10 đến Hóa dầu QĐ MIPEC đến TBA Lê Trọng Tấn 6) | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,080 |  |  | Phường Khương Mai   |  | Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội |
| 33 | Cải tạo, nâng cao năng lực cấp điện lộ đường dây trung thế 22kV (Hạ ngầm khoảng cột DDK từ cột 15 đến cột 16 Lộ 483 E1.5)                    | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,020 |  |  | Phường Kim Giang;<br>Phường Đình                                  |  | Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội |
| 34 | Nâng cấp, cải tạo TBA Thanh Xuân 9   | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,021 |  |  | Trước khu nhà C15 Tập thể Thanh Xuân Bắc                          |  | Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội |
| 35 | Nâng cấp, cải tạo TBA Bến xe Nam Thanh Xuân  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,005 |  |  | Trên hè đường cạnh đầu ngõ 76 Nguyễn Xiển, p. Thanh Xuân Nam      |  | Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội |
| 36 | Nâng cấp, cải tạo TBA Kim Giang 3  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,019 |  |  | Trên hè ngách 3/4 Hoàng Đạo Thành, cạnh trường tiểu học Kim Giang |  | Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội |

|    |                                      |     |                             |       |  |  |   |  |
|----|--------------------------------------|-----|-----------------------------|-------|--|--|---|--|
| 37 | Nâng cấp, cải tạo TBA Khương Trung 6 | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,016 |  |  | Trên hè, cạnh số nhà 105-B5 Khương Trung                          | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 38 | Nâng cấp, cải tạo TBA Phương Liệt 6  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,005 |  |  | Ngõ 435 đường Giải Phóng, p. Phương Liệt                          | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 39 | Xây mới TBA Phương Liệt 23           | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,017 |  |  | Hè đường ven hồ Phương Liệt, đối diện số nhà 100B phố Phương Liệt | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 40 | Xây mới TBA Thượng Đình 22           | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,007 |  |  | Hè đường Nguyễn Trãi, p. Thượng Đình (đoạn đầu phố Chính Kinh)    | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 41 | Xây mới TBA Khương Đình 9            | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,002 |  |  | Cuối hẻm 1/62/23 Bùi Xương Trạch, p. Khương Đình                  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 42 | Xây mới TBA Khương Đình 15           | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,002 |  |  | Ven hồ Đàm Chuối, cuối ngõ 509 Vũ Tông Phan, p. Khương Đình       | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |

|    |                            |     |                             |       |  |  |  |  |  |
|----|----------------------------|-----|-----------------------------|-------|--|--|--|--|--|
| 43 | Xây mới TBA Khương Đình 20 | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,021 |  |  | Hè đường ven hồ Đàm Hồng tại ngách 211/249 Khương Trung, p. Khương Đình      |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 44 | Xây mới TBA Hạ Đình 16     | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,011 |  |  | Hè đường Hồ Hạ Đình, phía cuối tường rào Trường tiểu học Hạ Đình             |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 45 | Xây mới TBA Nhân Chính 37  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,016 |  |  | Trong sân Nhà hội hợp khu dân cư Ninh Mỹ, p. Nhân Chính                      |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 46 | Xây mới TBA Nhân Chính 28  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,021 |  |  | Trên hè đường sông Tô Lịch, đối diện số nhà 229-231 Giáp Nhất, p. Nhân Chính |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 47 | Xây mới TBA Nhân Chính 25  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,005 |  |  | Hè đường Hoàng Đạo Thúy gần ngõ 116 phố Nhân Hòa, p. Nhân Chính              |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |



|    |   |     |                             |       |  |  |  |  |  |
|----|---|-----|-----------------------------|-------|--|--|--|--|--|
| 48 | Xây mới TBA Nhân Chính 15                   | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,009 |  |  | Hè phố Nhân Hòa sát tường rào trường THCS Phan Đình Giót, p. Nhân Chính              |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 49 | Xây mới TBA Khương Mai 12                   | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,024 |  |  | Hè đường Lê Trọng Tấn, đối diện ngõ 162 Lê Trọng Tấn, p. Khương Mai                  |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 50 | Xây mới TBA Khương Mai 13                   | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,034 |  |  | Tại hè ngõ 51 Nguyễn Viết Xuân, sát tường rào khu đất 86 Lê Trọng Tấn, p. Khương Mai |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 51 | Nâng công suất TBA Hồ Mễ Trì                | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,007 |  |  | Ngã ba đường Hồ Mễ Trì - Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính                               |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 52 | Nâng công suất TBA T2 Trung Hòa- Nhân Chính | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,015 |  |  | Tại nhà N2C khu THNC, p. Nhân Chính  |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 53 | Nâng công suất TBA Nhân Chính 4             | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,005 |  |  | Cuối ngách 3/4 Nhân Hòa, p. Nhân Chính   |  | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |

|    |   |     |                             |       |  |  |   |  |
|----|---|-----|-----------------------------|-------|--|--|---|--|
| 54 | Nâng công suất TBA Nhân Chính 1                   | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,02  |  |  | Gần số 202 phố Quan Nhân, p. Nhân Chính                     | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 55 | Nâng công suất TBA Cột Thanh Xuân                 | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,015 |  |  | Hè đường Nguyễn Trãi, đầu ngõ 235, p. Thượng Đình           | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 56 | Nâng công suất TBA Thượng Đình 5                  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,011 |  |  | Hè đường Nguyễn Trãi, gần ngõ 127, p. Thượng Đình           | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 57 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Bến xe 4     | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,009 |  |  | Hè đường Nguyễn Xiển, đoạn trước số nhà 250, p. Hạ Đình     | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 58 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Bến xe 2     | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,018 |  |  | Hè đường Nguyễn Xiển, đoạn trước số nhà 114-116, p. Hạ Đình | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 59 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Kim Giang 17 | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,003 |  |  | Cuối ngõ 30 Kim Giang, p. Kim Giang                         | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 60 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Xóm Hồng 2   | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,005 |  |  | Hẻm 358/40/62 Bùi Xương Trạch, p. Khương Đình               | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |

|    |   |     |                             |       |  |  |   |  |
|----|---|-----|-----------------------------|-------|--|--|---|--|
| 61 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Đá ốp lát      | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,005 |  |  | Hè đường Trường Chinh (183 Trường Chinh), p. Phương Liệt                | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 62 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Cù Chính Lan 2 | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,008 |  |  | Cuối ngách 3 Cù Chính Lan, p. Khương Mai                                | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 63 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA T2 Phi trường  | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,008 |  |  | Ngõ 210 Lê Trọng Tấn, p. Khương Mai                                     | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 64 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Lê Trọng Tấn 2 | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,004 |  |  | Mép bờ sông Lừ, cuối phố Lê Trọng Tấn, p. Khương Mai                    | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 65 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Chợ Xanh 1     | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,012 |  |  | Trong Chợ Thượng Đình, p. Thượng Đình                                   | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |
| 66 | Tăng cường đường trục hạ thế sau TBA Chợ Xanh 2     | DLN | Công ty Điện lực Thanh Xuân | 0,007 |  |  | Hè phố Chính Kinh, cạnh lối vào tòa nhà Sapphire Palace, p. Thượng Đình | <i>Các Quyết định số 5187/QĐ-EVNHANOI; Quyết định số 5164/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty điện lực TP Hà Nội</i> |